

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2024
“V/v Ly hôn giữa chị C và anh Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ1, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Mỹ C trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Mỹ C (gọi tắt là chị C) và anh Nguyễn Văn Đ (gọi tắt là anh Đ) tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, được gia đình tổ chức đám cưới

theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/8/2012.

Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà tham gia tệ nạn cờ bạc, nhậu nhẹt, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi bất hoà. Chị C đã nhiều lần khuyên can chồng nhưng anh Đ không thay đổi nên chị C đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân khoảng bốn năm nay. Đến nay chị C nhận thấy không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với anh Đ được nữa nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C đều yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 10/9/2008 và Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 25/3/2010. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Anh T1 theo nguyện vọng của con chung, còn cháu Nguyễn Thị Mỹ T2 hiện đang sống với anh Đ có nguyện vọng được sống với anh Đ nên giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Ý kiến trình bày nguyện vọng của các con chung: Cháu Nguyễn Thị Anh Thư có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Nguyễn Thị Mỹ Tiên có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục); giấy căn cước công dân (Bản phô tô); giấy khai sinh cháu Nguyễn Thị Anh T1 và Nguyễn Thị Mỹ T2 (bản sao), xác nhận tình trạng cư trú của bị đơn. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị C được ly hôn với anh Đ. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Anh T1 cho chị C nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T2 cho anh Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị C yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị C và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không có sự hoà hợp, không có cùng quan điểm sống, anh Đ không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà còn tham gia tệ nạn hay đánh bài bạc gây nợ nần chị C nhiều lần phải trả nợ cho chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải hàn gắn nhiều lần nhưng hôn nhân không được cải thiện, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, hiện nay anh chị đều đã tạo dựng

cuộc sống riêng, không còn quan tâm tới nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị C cho chị C được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị C và anh Đ có hai người con chung, cháu Nguyễn Thị Anh T1 có nguyện vọng được sống với mẹ và cháu Nguyễn Thị Mỹ T2 có nguyện vọng được sống với cha. Xét thấy, hiện nay các con chung của anh chị đều đã trên 7 tuổi, sau khi anh chị ly thân con chung sống với cha và mẹ đã có cuộc sống sinh hoạt ổn định đồng thời anh chị không có ý kiến gì về nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Anh T1 cho chị C nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T2 cho anh Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay vợ chồng mỗi người nuôi một người con nên và anh chị không có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị C xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị C là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 10/9/2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ C nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 25/3/2010 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng sau khi chị Nguyễn Thị Mỹ Ch và anh Nguyễn Văn Đ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay vợ chồng mỗi người nuôi một người con và anh chị không có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Mỹ C xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Mỹ C xác định không có nợ chung, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ C có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai thu số 0008965 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Mỹ C đã nộp đủ án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 08/4/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Yên;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm